

TỪ VAY MƯỢN TIẾNG ANH TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG Ở NGA

BORROWED WORDS FROM THE ENGLISH LANGUAGE IN RUSSIAN MEDIA

Trần Thị Khánh Vy

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; khanhvydn.tran@gmail.com

Tóm tắt - Ngôn ngữ như phương tiện giao tiếp xã hội, luôn gắn liền với lịch sử, truyền thống và văn hóa của dân tộc. Những sự thay đổi của xã hội từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa luôn luôn ảnh hưởng đến ngôn ngữ. Quá trình này có quan hệ gián tiếp đến bất kì ngôn ngữ nào và ảnh hưởng đến hệ thống ngôn ngữ. Tỷ lệ từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga rất lớn, trong số đó có một số lượng không nhỏ những từ này trên các phương tiện thông tin đại chúng Nga. Đề tài "Từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện thông tin đại chúng Nga" có ý nghĩa thiết thực về cả lý thuyết lẫn thực tiễn. Trong bài báo chúng tôi đã tiến hành khảo sát về mức độ hiểu biết của sinh viên Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng về vấn đề này. Qua đó, chúng tôi có một số nhận xét về những thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi gặp từ ngoại lai trong quá trình học tập tiếng Nga tại trường.

Từ khóa - từ vay mượn; hệ thống ngôn ngữ; mối quan hệ trực tiếp; sự chuyển đổi ngữ nghĩa; tiếng nước ngoài.

1. Mở đầu

Từ mượn là từ vay mượn từ ngôn ngữ khác (ngôn ngữ cho) để làm phong phú thêm vốn từ vựng của ngôn ngữ nhận. Gần như tất cả các ngôn ngữ trên thế giới đều có từ mượn, vì một ngôn ngữ vốn dĩ không có đủ vốn từ vựng để định nghĩa cho tất cả các khái niệm, và việc chuyển ngữ từ vựng từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác là xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập của một nền văn hóa.

Tuy nhiên, việc tạo mới và sử dụng các từ mượn cũng cần hết sức quan tâm để tránh làm mất đi bản sắc ngôn ngữ nhận, đánh mất sự đa dạng của ngôn ngữ; để tránh điều đó chỉ nên sử dụng từ mượn trong một ngôn ngữ khi ngôn ngữ đó không có từ thay thế hoặc từ thay thế quá dài và phức tạp.

Theo nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học, có gần 2 tỷ người (ở hơn 100 quốc gia trên thế giới) sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ hai. Tỷ lệ từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga rất lớn, trong số đó có một số lượng không nhỏ những từ này trên các phương tiện thông tin đại chúng Nga.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Sự hình thành lớp từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga qua một số giai đoạn

Cuối thập niên của nửa đầu thế kỉ 20 là quá trình phát triển mạnh mẽ của ngôn ngữ văn học, của từ vay mượn trong tiếng Nga, song nhìn chung quá trình này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế [2, tr.63].

Đến cuối những năm 20 đầu những năm 30 đã bắt đầu hình thành những quy tắc ổn định trong ngôn ngữ văn học Nga. Đề cập đến vấn đề này, sự biến đổi của các đơn vị ngôn ngữ đang dần được loại bỏ; cụ thể là sự thay đổi về hình thức và ngữ nghĩa của từ ngoại lai, nhưng trong một

Abstract - Language, as a means of social communication, is always associated with the history, tradition and culture of the nation. The changes of society from the process of industrialization and modernization always affect languages. This process has an indirect relationship with any language and affects the language system. The percentage of borrowed words in Russian media is very high and a large number of these words are from the English language. The topic "Borrowed words in Russian media from English language" has practical meaning both in theory and practice. In this article, we have conducted a survey on the understanding level of students of Russian department, University of Foreign Language Studies - University of Danang about this topic. Thereby we have some comments on the advantages and disadvantages of students when they encounter foreign words while learning Russian at college.

Key words - borrowed words; language system; indirect relationship; semantic change; foreign language.

chừng mực nào đó không còn mang tính năng đặc trưng trong lời nói.

Cuối những năm 30 được đánh dấu bởi sự xuất hiện của thuật ngữ kỹ thuật và khoa học mới trong tiếng Nga, mà được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực chuyên môn. Tại thời điểm này, đã có những thay đổi trong đời sống xã hội của nước Nga: việc tái thiết nền kinh tế quốc gia, công cuộc công nghiệp hóa, sự xuất hiện của các ngành mới của khoa học và công nghiệp, những sáng chế và phát minh khoa học, tất cả điều này đều là nguyên nhân của sự xuất hiện của các từ mới - biểu tượng của các đối tượng và mối quan hệ mới.

Giai đoạn cuối những năm 40, đầu những năm 50 là một ví dụ hiếm hoi cho sự hoạt động tích cực của xã hội lên từ điển ngôn ngữ, cụ thể hơn đó là việc chấp nhận hay từ chối những từ nước ngoài.

Mặc dù quá trình vay mượn từ vựng trong giai đoạn này đã bị suy yếu, kèm theo đó là một làn sóng các từ nước ngoài không đáng kể, nhưng giai đoạn nửa cuối những năm 40 đầu những năm 50, người ta đã sử dụng những từ nước ngoài mới lạ với người Nga.

Trong nửa đầu của thập niên 50 đã xảy ra những thay đổi lịch sử ở Liên bang Xô Viết, đó không chỉ là những chính sách có sức ảnh hưởng trong nước, mà còn là những chính sách gây tiếng vang trên trường quốc tế, theo đó, các mối quan hệ với nhiều nước tư bản trên thế giới đã được hình thành và thiết lập quan hệ kinh tế và văn hóa bền vững hơn với các quốc gia trong phe dân chủ.

Vào giữa những năm 50, nước Nga đã ký nhiều hiệp định kinh tế, thương mại và văn hóa với các quốc gia khác nhau. Điều này làm tăng cường vai trò và sức ảnh hưởng của Liên Xô trên trường quốc tế.

Đến cuối những năm 50, cùng với việc sử dụng rộng rãi các thuật ngữ nước ngoài trong ngôn ngữ văn học,

những từ vay mượn mới nhất đã được du nhập vào tiếng Nga, không chỉ thông qua các lĩnh vực chuyên môn (thuật ngữ khoa học và kỹ thuật), mà còn thông qua các thể loại như báo, bài phát biểu trước công chúng, các tác phẩm báo chí và nghệ thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Nga.

Cuối những năm 50 – 60 xuất hiện những từ, mà dường như ngẫu nhiên và có tiềm năng để tồn tại trong ngôn ngữ tiếng Nga với vai trò là những từ vay mượn. Chúng được sử dụng để thay thế những tên gọi ít được dùng phổ biến hơn ở Nga.

Ví dụ: “буклет” - được dùng thay cho “брошюра”

(booklet) (небольшая книжка)

“пассинг” - được dùng thay cho “переход”

(passing, to pass) (переходить)

“чипсы” - được dùng thay cho “жареный картофель”

(chips) (тонкий кусочек, ломтик сушеного яблока, жареного картофеля)

2.2. Một số đặc điểm của từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga

2.2.1. Nguyên nhân của việc sử dụng rộng rãi từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga

Cấu trúc từ điển của ngôn ngữ hiện đại của Nga đã đi qua chặng đường lâu dài. Đầu thế kỷ XXI, mọi sự thay đổi trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ ở Nga đã phát sinh dưới ảnh hưởng của các vấn đề văn hóa, kinh tế - xã hội và chính trị. Hiện nay các nhà ngôn ngữ học chỉ chú trọng vào việc tiếp xúc ngôn ngữ Nga - Anh. Một số lượng lớn các từ vay mượn đã xuất hiện có nguồn gốc từ tiếng Anh.

Nhiều nhà ngôn ngữ học vào đầu thế kỷ XX đã nghiên cứu những nguyên nhân vay mượn từ nước ngoài. Trong các công trình của Cruisin [2, tr. 12] đã chỉ ra rằng E. Richter cho rằng sự cần thiết phải gọi tên sự vật và khái niệm là lý do chính cho việc vay mượn từ.

Quá trình vay mượn ngôn ngữ không thể tách rời với mối quan hệ văn hóa và các cuộc tiếp xúc giữa cộng đồng hai ngôn ngữ khác nhau và nó như là một phần của kết quả của các mối quan hệ đó.

L. P. Cruisin đã chỉ ra một số những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng vay mượn từ trong tiếng Nga:

- Đáp ứng nhu cầu gọi tên các hiện tượng mới, đồ vật mới (компьютер; такси...) - (máy tính, taxi ...).
- Đáp ứng sự cần thiết về các khái niệm chuyên môn trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, cho các mục đích nhất định.

(вывоз - экспорт; предупредительный - превентивный);

(xuất khẩu - xuất khẩu; cảnh báo - phòng ngừa).

- Trong ngôn ngữ được vay mượn tồn tại hệ thống các thuật ngữ phục vụ cho lĩnh vực về đề tài này hay đề tài khác, đó là những thuật ngữ về kỹ thuật công nghệ, thuật ngữ về thể thao, cũng như là hệ thống từ vựng khác.

(хиппи, музыкантов, хакеров и др.) - (hippy, nghệ sĩ, tin tặc, v.v...).

2.2.2. Một số nét về đặc điểm của từ ngoại lai trong tiếng Nga

Sự tác động qua lại của hệ thống từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm của hai hoặc nhiều ngôn ngữ - đó là quá trình hình thành từ ngoại lai.

Theo đó, những hiện tượng ngữ pháp, ngữ âm và những hiện tượng khác ở những ngôn ngữ khác nhau thì không giống nhau.

Những từ ngoại lai khi vào hệ thống ngôn ngữ Nga thì nó phải phù hợp với các quy chuẩn của tiếng Nga về hình thái học, từ vựng ngữ pháp, ngữ âm.

Trong quá trình vay mượn, những âm ngoại lai đối với ngôn ngữ Nga, hoặc là chúng bị mất đi, hoặc là chúng được thay thế bởi những âm có sẵn khác trong hệ thống ngữ âm của tiếng Nga.

* Trong tiếng Nga không tồn tại âm **[h]**, trong khi âm này có ở nhiều ngôn ngữ khác. Khi sử dụng từ vựng có chứa âm này, nó được câu thành thành âm **[z]** hoặc **[x]**:

Ví dụ:

Bảng 1. Từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga

Từ tiếng Anh	Từ tiếng Nga
Hake	Хен
Hindi	Хинди
Holl	Холл
Hippies	Хиппи
Hockey	Хоккей
Halva	Халва
Hobby	Хобби

* Trong những từ tiếng Nga có nguồn gốc từ tiếng Anh, âm **[d]** được phát âm thành âm - **[дж]**:

Ví dụ:

Bảng 2. Từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga với âm **[d]**

Từ tiếng Nga	Từ tiếng Anh
Джаз	«jazz»
джерпер	«jumper»
Джут	«jute»
Джем	«jam»
Джерси	«jersey»
Джоуль	«joule»
джентльмен	«gentleman»
джинсы	«jeans»

Trong quá trình vay mượn, từ vựng sẽ xuất hiện nhiều sự thay đổi về ngữ nghĩa của từ. Nghĩa của từ vay mượn có thể được lược bớt, có nghĩa là ngôn ngữ được vay mượn sẽ không tiếp nhận tất cả các nghĩa của từ trong ngôn ngữ gốc, hoặc ở một số trường hợp thì ý nghĩa của chúng sẽ được mở rộng (trong một lĩnh vực nào đó).

+ Lược bớt ý nghĩa của từ.

+ Ý nghĩa của từ có thể bị thay đổi ở một cấp độ cao (tích cực) hơn.

Sự *cấu tạo hình thái học của những từ vay mượn* - là việc truyền đạt từ đó thông qua bảng chữ cái tiếng Nga.

Một số lượng lớn từ nước ngoài đã trở thành “tài sản riêng” của tiếng Nga khi chúng ngay lập tức được biến đổi qua dạng hình thái học của ngôn ngữ Nga. Đó là đặc trưng chủ yếu của những từ được vay mượn trong thời hiện đại.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, sự phát triển hình thái học của một từ nước ngoài đã không xảy ra cùng một lúc: có một giai đoạn từ đó không được truyền đạt bằng các chữ cái trong tiếng Nga, chúng được lưu lại bằng chữ viết của dạng từ ngoại lai.

Pushkin viết thư cho vợ vào ngày 17 tháng tư năm 1834: “Hôm nay anh ăn trưa ở nhà, ra lệnh cho Stepan chuẩn bị nước uống botvinya và món beafsteaks”.

Tuy nhiên, trong tác phẩm "Lịch sử của làng Gorukhino", được viết vào năm 1830, từ tiếng Anh này đã được truyền đạt bằng các chữ cái tiếng Nga. Rõ ràng, trong nửa đầu của thế kỷ XIX, hình thái của từ "bít tết" trong ngôn ngữ vẫn chưa được cố định và có thể được viết bằng tiếng Nga và tiếng Anh. Trong cuốn từ điển bách khoa Nga thì từ *бифштекс* (thịt bò) lần đầu tiên được nhắc đến vào năm 1834.

Khi đi vào hệ thống của ngôn ngữ Nga, từ vay mượn tuân theo quy tắc ngữ pháp của tiếng Nga. Những hậu tố của từ ngoại lai được tạo nên hoặc được thay thế bởi hậu tố trong tiếng Nga.

Từ tiếng Hy Lạp «paradoxos» được cấu tạo trong tiếng Nga là «парадокс» (nghịch lý), «paidagogos» - «педагог» (một nhà giáo);

Cần lưu ý rằng quá trình cấu tạo từ vựng ngoại lai không gồm tất cả các từ. Một số từ chỉ được vay mượn trong một thời gian nhất định, và chúng vẫn giữ nguyên đặc điểm hình thái và ngữ âm của mình.

Ví dụ: Phát âm phụ âm cứng trước nguyên âm «е» ở nhiều từ.

Chẳng hạn như: «ателье, полонез, коктейль, майонез, термос»...

Một số từ được vay mượn không hề bị thay đổi, như: *жюри* (giám khảo), *кино* (bộ phim), *пальто* (áo khoác), *кофе* (cà phê), *мини* (mini), *хаки* (kaki) и др.

Sự chuyển đổi về ngữ pháp của từ "Internet" rất thú vị.

Dựa theo sự cấu tạo về mặt từ vựng của từ, chúng ta có thể thấy rằng, sự cấu tạo từ như là một đơn vị của ngôn ngữ.

Có thể gọi đó là từ vựng khi nó mang tên gọi của một sự vật, hiện tượng nào đó, và hơn thế nữa, chúng mang đặc trưng của đời sống nơi đó.

Ví dụ: "Thể thao" - từ vay mượn từ tiếng Anh, nhưng nó là đặc trưng của đời sống Nga, thực tế của Nga, như ở đời sống Anh. Vì vậy, từ «спорт» đã được từ vựng hóa.

Có nhiều từ vay mượn đã được từ vựng hóa trong tiếng Nga. Thậm chí người ta không nhớ đến việc chúng là những từ nước ngoài, ví dụ như những từ có nguồn gốc từ tiếng Anh, như *пиджак, аврал, комбайн, кекс, ринг, теннис, волейбол, рельс*.

2.2.3. Các phương pháp cấu tạo từ ngoại lai từ tiếng Anh

Dựa theo các phương pháp cấu tạo từ ngoại lai tiếng Anh có thể chia thành những nhóm từ vay mượn từ ngôn ngữ Anh như sau: [4]

1. **Vay mượn trực tiếp:** trong chừng mực nào đó những từ tiếng Anh được sử dụng trong ngôn ngữ Nga có hình thái và ý nghĩa như trong ngôn ngữ gốc.

Ví dụ: *выходные* - «уик-энд» (ngày nghỉ);

2. **Lai ghép, hỗn hợp:** Những từ này được bổ sung bởi các hậu tố, tiền tố trong tiếng Nga. Ở trường hợp này nghĩa của từ vay mượn hoặc nghĩa của từ trong ngôn ngữ gốc có một vài sự thay đổi.

Ví dụ: Có thể sử dụng từ «*аскать*» được vay mượn từ tiếng Anh thay cho từ «*спросить*».

3. **Mô phỏng:** Đó là những từ được giữ nguyên cấu trúc hình thái học và ngữ âm của chúng.

Ví dụ: *клуб* (câu lạc bộ), *меню* (thực đơn), *пароль* (mật khẩu), *диск* (ô đĩa), *вирус* (virus).

4. **Tổ hợp từ:** Là những từ được tạo nên từ hai từ tiếng Anh và diễn đạt một khái niệm trong tiếng Nga.

Ví dụ: bảng 3

Bảng 3. Từ vay mượn từ tiếng Anh diễn đạt một khái niệm trong tiếng Nga

Từ tiếng Nga	Từ tiếng Anh	Nghĩa tiếng Nga	Nghĩa tiếng Việt
секонд-хенд	secondhand	Магазин, торгующий поддержанной одеждой; вещи, бывшие в употреблении (обычно одежда, обувь и т.п.)	Cửa hàng bán quần áo cũ; những đồ cũ đã được sử dụng (thường là quần áo, giày dép, v.v...)
видео-салон	salon video	Помещение для просмотра видеофильмов.	phòng trình chiếu phim

Có nhiều từ vay mượn tiếng Anh xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga, như lĩnh vực kinh tế, công nghệ thông tin, thể thao,...

• Ở lĩnh vực kinh tế

Có những thuật ngữ kinh tế như: *инвестиция* (đầu tư), *брокер* (môi giới), *дилер* (đại lý), *ваучер*

(*voucher*), *дистрибьютор* (nhà phân phối), *маркетинг* (tiếp thị)...

• Ở lĩnh vực công nghệ thông tin

Có những từ vựng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin như: *компьютер, дисплей, файл, интерфейс, принтер, сканер, ноутбук, браузер, сайт*....

Bảng 4. Từ vay mượn tiếng Anh trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở Nga

Từ tiếng Nga	Từ tiếng Anh
компьютер	Computer
дисплей	Display
файл	File
интерфейс	Interface
принтер	Printer
сканер	Scanner
ноутбук	Notebook
браузер	Browser
сайт	Site

• Ở lĩnh vực thể thao

Một trong những lĩnh vực được mọi người yêu thích đó là thể thao. Một số từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga, đó là: футбол, баскетбол, фитнес, фристайл, виндсерфинг, скейтборд, кикбоксинг... .

Bảng 5. Từ vay mượn tiếng Anh trong lĩnh vực thể thao ở Nga

Từ tiếng Anh	Từ tiếng Nga
футбол	Football
баскетбол	Basketball
фитнес	Fitness
фристайл	Freestyle
виндсерфинг	Windsurfing
скейтборд	Skateboard
кикбоксинг	Kickboxing

3. Một số nhận xét (bàn luận)

3.1. Khảo sát mức độ hiểu biết của sinh viên về từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Nga.

Kết quả khảo sát mức độ hiểu biết của sinh viên về từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga.

Mục tiêu: Tìm hiểu mức độ hiểu biết của sinh viên về từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga (cụ thể ở hai lĩnh vực thể thao và công nghệ thông tin).

Đối tượng khảo sát: Sinh viên khóa 2013 và khóa 2014, Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng (có 79 em sinh viên tham gia trả lời khảo sát).

Phương pháp khảo sát: Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp cho đáp viên.

Thời gian thực hiện khảo sát: Thực hiện khảo sát trong khoảng thời gian từ tuần 04 đến tuần 05 của học kỳ II năm học 2016-2017 (từ ngày 20/02/2017 đến ngày 05/03/2017).

Phạm vi sử dụng kết quả khảo sát:

Phiếu khảo sát ý kiến về mức độ hiểu biết của sinh viên khóa 2013 và 2014 Khoa tiếng Nga về từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga (cụ thể ở lĩnh vực thể thao và công nghệ thông tin) được sử dụng

trong nội bộ Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.

Các quy ước trong thống kê, phân tích số lượng và tổng hợp phiếu khảo sát:

Tính hợp lệ của phiếu trả lời.

* Phiếu trả lời không hợp lệ: là những phiếu rơi vào các trường hợp sau:

- Đáp viên chọn tất cả các phương án trả lời trong phiếu khảo sát.

- Đáp viên bỏ trống (không trả lời) một hoặc nhiều câu hỏi trong phiếu khảo sát.

* Phiếu trả lời hợp lệ: những trường hợp còn lại.

Theo đó, kết quả khảo sát chính là kết quả dựa trên những phiếu trả lời hợp lệ của sinh viên cho 08 câu hỏi khác nhau về từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga (ở lĩnh vực thể thao và công nghệ thông tin).

- Câu hỏi có hai lựa chọn hoặc nhiều lựa chọn.
- Câu hỏi tự trả lời (câu hỏi mở).

Một số thuật ngữ dùng trong phiếu khảo sát

- Từ vay mượn;
- Từ vay mượn tiếng Anh;
- Từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga.

Bảng 6. Bảng tổng hợp các nội dung được khảo sát

Stt	Nội dung khảo sát	Kết quả	Nhận xét
1.	Anh (Chị) có nghe nói đến cụm từ “từ vay mượn”?	Có: 79 phiếu (100%).	Như vậy, các em sinh viên hoàn toàn đã biết đến cụm từ “từ vay mượn”.
2.	Câu hỏi về khái niệm của cụm từ “từ vay mượn”.	Có 46/79 em lựa chọn phương án đúng (57%).	Như vậy, các em hiểu rõ về khái niệm cụm từ “từ vay mượn”.
3.	Câu hỏi về khái niệm “từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga”.	Có 74/79 em lựa chọn phương án là “từ vay mượn” đúng (93,6%).	Như vậy, các em nắm rõ được thế nào là “từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Nga”.
4.	Câu hỏi về tần suất sử dụng một số từ vay mượn Спорт, интернет, админ, принтер, компьютер	Có 79/79 em chọn phương án “Rất quen thuộc và sử dụng chúng nhiều” (100%).	Như vậy, tất cả các em sinh viên đều sử dụng nhiều những từ được vay mượn này.
5.	Câu hỏi về nguồn gốc của những từ in đậm được hỏi ở câu hỏi số 04.	Có 78/79 em chọn phương án “Từ vựng trong tiếng Nga, được vay mượn từ ngôn ngữ Anh” (98,8%).	Như vậy, hầu như tất cả các em đều nắm rõ được nguồn gốc của các từ in đậm ở câu hỏi số 04, đó chính là những từ tiếng Nga, được vay mượn từ ngôn ngữ Anh.

6.	Câu hỏi về sự nhận biết của các em sinh viên về từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga.	Có 63/79 em lựa chọn một phương án đúng nhất (79,8%). теннис, харкер, голкипер, файл, хоккей, гол	Như vậy, hầu như tất cả các em đều nhận diện được một loạt từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga.
7.	Câu hỏi về sự cần thiết để nắm rõ nguồn gốc về từ vay mượn trong tiếng Nga trong quá trình học của các em sinh viên. 1. Rất cần thiết 2. Không cần thiết 3. Bình thường 4. Cần thiết	- Có 37/79 em chọn phương án 01, chiếm tỷ lệ 46,8%. - Có 12/79 em chọn phương án 02, chiếm tỷ lệ 15,2%. - Có 30/79 em chọn phương án 03, chiếm tỷ lệ 38%.	Dựa trên số liệu trên, chúng ta thấy rằng, các em sinh viên cho rằng: cần thiết để nắm rõ nguồn gốc về từ vay mượn trong tiếng Nga trong suốt quá trình học tập tại Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.
8.	Câu hỏi về việc nhận biết từ vay mượn so với việc nhận biết một từ bình thường trong tiếng Nga đối với các em là việc dễ hay khó? 1. Khó hơn 2. Dễ hơn 3. Bình thường	- Có 08 em sinh viên trong tổng số 79 em chọn phương án 01, chiếm tỷ lệ 10%. - Có 25/79 em chọn phương án 02, chiếm tỷ lệ 32%. Có 46/79 em chọn phương án 03, chiếm tỷ lệ 58%.	Phần lớn các em sinh viên cho rằng, việc nhận biết một từ vay mượn cũng giống như việc nhận biết một từ bình thường, không dễ, cũng không khó.

3.2. Những kết quả khảo sát chính

Dựa trên cách thức và kết quả khảo sát về từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga, chúng tôi có một số nhận xét về những thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi gặp từ ngoại lai trong quá trình học tập tiếng Nga tại Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

Thuận lợi

Khi đưa ra những lựa chọn về từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga, thì sinh viên đã có thể hiểu và nhận ra ngay. Bởi các em có nền tảng tiếng Anh của mình, các em thi đại học vào Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng cũng bằng tiếng Anh. Vì vậy, để nhận biết từ nào trong tiếng Nga được vay mượn từ ngôn ngữ Anh là một việc không quá khó đối với mỗi em.

Khó khăn

Tốc độ phát triển nhanh chóng của mạng internet, có một số lượng lớn từ vay mượn từ tiếng Anh vào tiếng Nga,

bản thân mỗi sinh viên chưa thể cập nhật được các từ mới này.

Theo thống kê của chúng tôi, có khá nhiều từ vay mượn từ tiếng Anh xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga. Có khoảng 2-3% từ vay mượn từ tiếng Anh được sử dụng ở các bài báo, bài dịch thuật, bài nghe download trên mạng, nhưng vì cách phát âm của người Nga nên đa số các em đều không nhận ra ngay những từ này.

Biện pháp

Để các em sinh viên học từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga tốt hơn, chúng tôi xin trình bày một số cách học như sau:

- Yêu cầu các em sinh viên đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh.
- Phát huy vốn tiếng Anh sẵn có của mình, để các em nhận ra hiểu nghĩa của từ đó.
- Gọi nhớ lại từ tiếng Anh cho các em.
- Vận dụng tất cả những kiến thức của các em về lĩnh vực thể thao và công nghệ thông tin, từ đó các em có định hướng sẵn và hiểu nhanh những từ này.
- Luôn khuyến khích tinh thần tự học, ham học hỏi của các em; luôn tìm tòi hoặc ghi lại những từ vựng mới, những từ vay mượn có nguồn gốc từ ngôn ngữ Anh.
- Tổ chức các hoạt động vui chơi trên lớp, các trò chơi vui, tìm ô chữ. Các em được chia thành các đội, và cùng tham gia nhiều trò chơi, chẳng hạn như trò “Ai biết được nhiều từ vay mượn từ tiếng Anh trong tiếng Nga hơn?”.

5. Kết luận

Nghiên cứu về những từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Nga, chúng tôi nhận thấy rằng, có một số lượng lớn từ vay mượn tiếng Anh đi vào ngôn ngữ Nga ở nhiều lĩnh vực, trong đó có hai lĩnh vực thể thao và công nghệ thông tin.

Khi những từ này du nhập vào tiếng Nga, chúng biến đổi theo những phương pháp khác nhau, để phù hợp với các quy chuẩn ngữ pháp của tiếng Nga. Và việc sử dụng từ vay mượn tiếng Anh trên các phương tiện thông tin đại chúng Nga ngày một trở nên phổ biến.

Kết quả nghiên cứu của vấn đề này hy vọng sẽ được các chuyên gia ngôn ngữ, những người học tập tiếng Nga sử dụng có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Hữu Quang (2008), “Truyền thông đại chúng trong xã hội hiện đại”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 7 và 8, Xuân Mậu Tý, 7 - 2, tr. 16 - 19.
- [2] L. P. Cruisin (1968), “Иноязычные слова в современном русском языке”, *Матxcова*, с. 208.
- [3] Hoàng Tuệ (2005), “Nhu cầu mượn từ”, *Ngôn ngữ đời sống*, số 06.
- [4] <http://art.ioso.ru/seminar/2008/projects1/angl/angl.htm>
- [5] Брейтер М. А., “Англицизмы в русском языке: история и перспективы”, *Пособие для иностранных студентов-русистов*, Владивосток, 2005.